TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT, TP HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2020/QĐST-HNGĐ	*TT, ngày 20 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ□ƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 07/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 giữa những người yêu cầu:

1. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn VK, xã NH, huyện QO, Thành phố Hà Nội.

2. Chị Chu Thị M, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn 4, xã PX, huyện TT, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ các Điều 212, 213 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đ- ơng sự đã đ- ợc ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn S và chị Chu Thị M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đ- ơng sự cụ thể nh- sau:

2.1. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 29/8/2018.

Giao cháu Nguyễn Quang T cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Vì anh S không yêu cầu cấp dưỡng, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M trong thời gian anh S không yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản, công sức, nợ chung: Anh S, chị M xác định không có không yêu cầu xem xét.

2.4. Về lệ phí: Anh S, chị M mỗi người chịu 150.000đ (*Một trăm năm m□ơi nghìn đồng*) lệ phí ly hôn sơ thẩm, đ- ợc trừ vào số tiền mỗi người đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 07124 và số 07125 ngày 09/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, thành phố HN.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
-VKSND huyện TT;
-UBND xã NH, huyện QO, Hà Nội.
- Các đ- ơng sự;
- L- u HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hồng Thiết